

Số: 218/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2016

## THÔNG TƯ

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng  
phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch  
cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo;  
lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ**

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí  
và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013  
của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ  
thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh;  
phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý  
pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng  
phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ  
nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép  
quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

2. Thông tư này áp dụng đối với người nộp, tổ chức thu phí thẩm định  
điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo  
vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí,  
vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu,  
nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí  
sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo;  
lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

### **Điều 2. Người nộp phí, lệ phí**

1. Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan công an có thẩm quyền thẩm  
định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự để kinh doanh các  
ngành, nghề theo quy định phải nộp phí thẩm định điều kiện về an ninh; cá

nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sát hạch để cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ thì phải nộp phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

2. Cơ quan, tổ chức khi được cơ quan công an có thẩm quyền cấp giấy phép quản lý pháo hoa vào, ra Việt Nam thì phải nộp lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; cấp giấy phép sử dụng, vận chuyển, mua, mang và sửa chữa các loại vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ phải nộp lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

### **Điều 3. Tổ chức thu phí, lệ phí**

Cơ quan công an có thẩm quyền thẩm định điều kiện an ninh, trật tự; sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; cấp giấy phép mang pháo hoa vào, ra Việt Nam; cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ là tổ chức thu phí, lệ phí.

### **Điều 4. Mức thu phí, lệ phí**

Mức thu phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thực hiện theo Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 5. Các đối tượng được miễn lệ phí**

Các đối tượng được miễn lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ bao gồm:

1. Tổ chức, đơn vị thuộc lực lượng công an nhân dân, công an xã, lực lượng bảo vệ dân phố, tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự ở cấp xã được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phục vụ chiến đấu và giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội;

2. Tổ chức, cá nhân thuộc lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ;

3. Sĩ quan bảo vệ nguyên thủ quốc gia và người đứng đầu Chính phủ, những người được Thủ tướng Chính phủ cho phép mang vũ khí vào, ra Việt Nam để tự vệ, bảo vệ.

### **Điều 6. Kê khai, nộp phí, lệ phí**

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí, lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

## **Điều 7. Quản lý phí, lệ phí**

1. Tổ chức thu phí được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ. Nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

## **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Thông tư số 193/2010/TT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện an ninh, trật tự; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu; lệ phí cấp giấy phép mang pháo hoa vào, ra Việt Nam; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. / *km*

Nơi nhận: *km*

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5). *330*

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**TÀI CHÍNH**



*km*  
**Vũ Thị Mai**

**BIỂU MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 218/2016/TT-BTC  
 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	Phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh	Lần	300.000
II	Phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ	Lần	20.000
III	Lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo	Giấy	150.000
IV	Lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ:		
1	Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ	Giấy	10.000
2	Giấy phép vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ	Giấy	100.000
3	Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ: - Dưới 5 tấn - Từ 5 tấn đến 15 tấn - Trên 15 tấn	Giấy	50.000 100.000 150.000
4	Giấy phép mua vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ	Khâu/ Chiếc	10.000
5	Giấy phép mang vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ	Khâu/ Chiếc	10.000
6	Giấy phép mang các loại đạn: - Dưới 500 viên - Từ 500 viên đến 5000 viên - Trên 5000 viên	Giấy	50.000 100.000 150.000
7	Giấy phép mang vỏ đạn hoặc hạt nổ: - Dưới 500 vỏ đạn hoặc hạt nổ - Từ 500 viên đến 5000 vỏ đạn hoặc hạt nổ - Trên 5000 vỏ đạn hoặc hạt nổ	Giấy	20.000 50.000 150.000
8	Giấy phép mang linh kiện vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao và công cụ hỗ trợ	Linh kiện	500
9	Giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao công cụ hỗ trợ	Khâu/ Chiếc	10.000